

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2021
V/v tranh chấp ly hôn của nam nữ
sống chung với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngư

2. Ông Lâm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Vy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên

Ngày 25/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST, ngày 04/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Trảng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Đường Bùi Thị H, tổ M, ấp H, xã H, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Lý Hiệp L, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai: Ông Phạm Văn H, là luật sư, văn phòng luật sư Phạm Văn H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 298/22, Quốc lộ 1, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết M trình bày:

Năm 1989 bà và ông Lý Hiệp L tự nguyện sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi bắt đầu sống chung thì ông bà sống chung với cha mẹ ruột của bà tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống có ba con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990; Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh ngày 22/9/1998. Trong thời gian sống chung ông bà thường

xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông Lý Hiệp L còn dùng vũ lực đối với bà và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Trong quá trình sống chung ông bà không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tuy nhiên, bà có tài sản riêng của cha mẹ bà để lại (ông Võ Hữu Đ chết năm 1996, bà Triệu Thị T chết năm 2003 và không để lại di chúc, bà con duy nhất) là quyền sử dụng đất diện tích 17.900m² thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Võ Hữu Đ ngày 12/6/1996; trên đất có 01 căn nhà cấp 4, ngang 6 mét, dài 8 mét; bà làm thủ tục thừa kế thì ông Lý Hiệp L ngăn cản không cho bà thực hiện quyền thừa kế và cố tình chiếm giữ căn nhà và phần đất trên nên đến nay bà vẫn chưa lập thủ tục sang tên phần tài sản trên được. Bà và ông Lý Hiệp L đã chuyển nhượng 07 công tằm lớn đất thửa số 497 cho ông Phạm Văn B với giá 07 lượng vàng 24 kara nhưng chưa làm thủ tục xin tách và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Về hôn nhân: bà yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ giữa bà và ông Lý Hiệp L không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: 03 con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990; Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh ngày 22/9/1998 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng: Bà M yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 17.900m² thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Võ Hữu Đ ngày 12/6/1996 và căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột bà. Buộc ông Lý Hiệp L phải giao trả, rời khỏi căn nhà và đất thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lý Hiệp L trình bày:

Ông Lý Hiệp L thừa nhận ông và bà M sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật từ năm 1989 cho đến nay, trong thời gian sống chung ông và bà Mai có 03 con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh năm 1998 đã trưởng thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn: là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, bà M gây nợ nần rồi bỏ đi từ năm 2000 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với phần đất tại thửa 498, 497, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là đất của cha ruột bà M là ông Võ Hữu Đ đứng tên, nhưng ông ở trên đất này từ ngày cưới mà M cho đến nay. Khi lấy bà M có căn nhà lá, sau đó, ông về làm và sửa chữa lại thành nhà tường như hiện nay. Vào năm 2000, bà M chơi hội gây nợ nần rồi bỏ trốn ra Vũng Tàu ở cho đến nay. Từ khi bà M bỏ đi, thì một mình ông ở lại lo làm và chăm sóc mẹ vợ cho đến khi mẹ vợ ông chết. Ông thừa nhận tài sản phần đất và căn nhà trên đất là của cha vợ ông là ông Võ Hữu Đ chết để lại, nhưng ông cũng có công sức đóng góp trong gia đình. Do đó, yêu cầu của bà M ông không đồng ý.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B trình bày: Vào năm 2003, ông có nhận

sang nhượng của vợ chồng bà M, ông L phần đất có diện tích 07 công tằm lớn tại thửa 197 với số vàng là 07 lượng vàng 24k, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc đó là của cha ruột của bà M là ông Võ Hữu Đ đứng tên, nên không tách thửa sang tên được và hiện nay ông đang quản lý sử dụng phần đất trên cho đến nay. Khi Tòa án giải quyết tranh chấp về hôn nhân giữa bà M và ông L xong, thì bà M, ông L phải có nghĩa vụ lập thủ tục tách thửa phần đất trên để ông đứng tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về tài sản riêng: Bà M yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 17.900m² thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Võ Hữu Đ ngày 12/6/1996 và căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột bà. Buộc ông Lý Hiệp L phải giao trả, rời khỏi căn nhà và đất thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Xét thấy, việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Khi thụ lý vụ án về việc tranh chấp ly hôn, sau khi nghiên cứu hồ sơ cũng như quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1, khoản 7, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1989, bà M và ông L xác lập quan hệ vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Theo bà M cho rằng, trong quá trình chung sống, bà và ông L có 03 con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh năm 1998, hiện nay 03 đứa con chung đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông L thường xuyên cãi vã nhau, và thường xuyên dùng bạo lực đối với bà và bà cố gắng chịu đựng. Kể từ khi cha mẹ của bà mất, thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và bà và ông L không còn chung sống với nhau đến nay, từ đó dẫn đến tình cảm giữa bà và ông L sống chung không hạnh phúc. Nay bà M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Lý Hiệp L.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông L khó có thể hàn gắn vì đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M với ông Lý Hiệp L.

[5] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà M và ông L có ba con chung tên Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh năm 1998, hiện nay 03 đứa con chung đã trưởng thành, bà M không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Bà M và ông L sống chung với nhau từ năm 1989 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Tuyết M với ông Lý Hiệp L.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp ly hôn là chưa chính xác, nên đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp tranh ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là phù hợp. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M với ông Lý Hiệp L. Về con chung: Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T sinh năm 1998 đã trưởng thành, bà M không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, bà M không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Tuyết M tự nguyện rút yêu cầu về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 17.900m² thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Võ Hữu Đ ngày 12/6/1996 và căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột bà. Buộc ông Lý Hiệp L phải giao trả, rời khỏi căn nhà và đất thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

[10] Về nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong trường hợp này, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và vẽ sơ đồ phân đất tranh chấp với số tiền 12.000.000 đồng đã thực hiện xong và phía nguyên đơn chịu.

[11] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1, khoản 7, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 2 Điều 224 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Tuyết M với ông Lý Hiệp L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 17.900m² thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Võ Hữu Đ ngày 12/6/1996 và căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột bà. Buộc ông Lý Hiệp L phải giao trả, rời khỏi căn nhà và đất thuộc thửa số 497, 498, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về con chung: Lý Hiệp H, sinh năm 1990, Lý Thị Anh T, sinh năm 1992 và Lý Thị Anh T, sinh năm 1998 đã trưởng thành, phát triển về thể chất và tinh thần, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, bà M và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và vẽ sơ đồ phân đất tranh chấp với số tiền 12.000.000 đồng đã thực hiện xong và phía nguyên đơn Võ Thị Tuyết M chịu.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006846, ngày 22/4/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, **để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh ST;
- Viện KSND huyện CT;
- Chi cục THA dân sự huyện CT;
- **UBND cấp xã T;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhấn